TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 8 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Sơn Thị Vành Đa.

Ông Lý Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại Phòng Xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 382/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị T, sinh ngày 15/7/1999 (Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt);

Căn cước công dân số 094199001570 cấp ngày 12/9/2022.

Địa chỉ: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung N, sinh ngày 06/01/2001 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số 094201009913 cấp ngày 04/02/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn bà Kim Thị T trình bày:

Bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N tự quen biết nhau, có làm lễ cưới theo đúng phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào

ngày 20/01/2021 đăng ký tại UBND xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, thành phố Cần Thơ). Đến tháng 5/2023 bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên cuộc sống giữa bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Về con chung: Bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N, chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 13/4/2023, hiện tại Anh đang sống với bà T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/7/2026, bà Kim Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Nguyễn Trung N; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Kim A, sinh ngày 13/4/2023 đến khi thành niên, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Trung N:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị đơn ông Nguyễn Trung N vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt các phiên toà là chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị T: Bà Kim Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trung N. Giao con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 13/4/2023 cho bà Kim Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Kim A, sinh ngày 13/4/2023 nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; ông N không có ý kiến yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Kim Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Trung N. Bị đơn ông Nguyễn Trung N cư trú tại Ấp P, xã L, thành phố Cần Thơ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Kim Thị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Trung N được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị T, ông Nguyễn Trung N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 20/01/2021. Tại thời điểm kết hôn, bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Kim Thị T, ông Nguyễn Trung N được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà Kim Thị T trình bày, sau khi kết hôn bà Kim Thị T, ông Nguyễn Trung N chung sống rất vui vẻ, hạnh phúc, đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bà Kim Thị T cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Nguyễn Trung N, bà Kim Thị T và ông Nguyễn Trung N không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2023 đến nay. Ông Nguyễn Trung N không có văn bản tường trình ý kiến về mâu thuẫn gia đình, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Kim Thị T, ông Nguyễn Trung N đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Kim Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung N là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo giấy khai sinh số: 335 của Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Cần Thơ) thể hiện bà T và ông N có con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 13/4/2023. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi. Ông N

không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đang sống cùng bà T, cuộc sống, học tập đã ổn định và cháu Nguyễn Kim A giới tính là nữ nên giao cháu Nguyễn Kim A cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó, yêu cầu về con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi"* và Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở"*. Theo quy định này, ông Nghĩa L người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với bà T. Đồng thời, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Theo quy định này, ông Nghĩa L người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông N không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông N không có ý kiến yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[10] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều

271; Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trung N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 13/4/2023 cho bà Kim Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Trung N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Kim Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Trung N phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Kim Thị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông Nguyễn Trung N không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Kim Thị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông Nguyễn Trung N không có ý kiến yêu cầu giải quyết về nợ chung, nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0013218 ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Kim Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6);
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GĐKT, TT và THA);
- UBND phường Khánh Hoà, TP. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu